TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh T** – sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

Bị đơn: Chị **Phan Thị Thanh V** – sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Chị và chị V có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 08/11/2016, chị V có mượn của chị số tiền 20.000.000đ để dùng vào việc cá nhân. Thời gian trả trong vòng 24 tháng, lãi suất một tháng 1.000.000đ. Nhưng từ tháng 5/2018 chị V không trả lãi vay cho chị nên chị yêu cầu Tòa án buộc chị V phải trả tiền lãi từ tháng 5 /2018 đến tháng 10/2018 (ngày xét xử) là 6 tháng theo quy định của pháp luật.

Tháng 4/2017, chị V có mua của chị 01 cái Ipad giá 4.000.000đ. Lúc mua không ghi giấy tờ gì. Chị V đã trả cho chị 1.500.000đ. Còn nợ 2.500.000đ. Chị yêu cầu chị V phải trả cho chị số tiền nợ Ipad 2.500.000đ và lãi theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng chị yêu cầu chị V phải trả cho chị tiền lãi 06 tháng đối với số nợ 20.000.000đ; Tiền gốc đối với số nợ 2.500.000đ và lãi theo đối với số nợ gốc 2.500.000đ theo quy định của pháp luật. Chị yêu cầu chị V có trách nhiệm trả một lần.

Theo tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị Thanh V trình bày: Chị thống nhất với trình bày của chị T về khoản nợ vay chị đã vay của chị T 20.000.000đ, tiền nợ Ipad 2.500.000đ và lãi suất của các khoản tiền nợ. Tuy nhiên hiện nay, hoàn cảnh của chị khó khăn chị muốn trả nợ hàng tháng 500.000đ vì không thể trả nợ 01 lần theo yêu cầu của chị T. Đề nghị Tòa án xem xét.

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Thanh V trả tiền lãi vay và tiền mua bán tài sản. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi vay đối với số tiền 20.000.000đ và số nợ còn thiếu do mua bán tài sản là Ipad 2.500.000đ và lãi theo quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng vay và mua bán tài sản theo quy định tại Điều 453 và 430 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa chị T và chị V có hợp đồng vay tài sản và hợp đồng miệng về việc mua bán Ipad. Chị T khởi kiện yêu cầu chị V trả nợ lãi đối với số tiền gốc 20.000.000đ và trả nợ mua Ipad và lãi theo quy định của pháp luật. Tại các lần hòa giải và tại phiên tòa chị V cũng thừa nhận nợ của chị T. Chị V có mượn nợ và mua tài sản của chị T nhưng không thánh toán theo thời hạn là xâm phạm đến quyền lợi của chị T. Vì vậy chị T khởi kiện là có căn cứ.

Tại giấy mượn tiền đề ngày 8/11/2016, các bên đều thống nhất số nợ gốc 20.000.000đ và lãi 1.000.000đ/tháng theo thỏa thuận. Tuy nhiên qua các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2018 là 06 tháng theo quy định của pháp luật. Đây là yêu cầu hợp pháp nên được chấp nhận. Mức lãi suất được tính như sau:

20.000.000đ x 20%/năm x 06 tháng = 2.004.000đ.

Đối với yêu cầu trả nợ mua Ipad tính lãi suất đối với số tiền nợ mua Ipad 2.500.000đ của nguyên đơn. Thời điểm giao dịch các bên không thỏa thuận lãi suất nay có tranh chấp về lãi suất. Chị T yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm Tòa án thụ lý đến khi giải quyết là từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018 là 03 tháng. Hội đồng xét xử thấy, Bên mua có nghĩa vụ trả tiền cho bên bán. Nếu không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Tại thời điểm mua bán các bên không thỏa thuận lãi suất, nay có tranh chấp về lãi suất. Mức lãi suất được tính như sau: 2.500.000đ x 10%/năm x 03 tháng = 62.250đ.

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị V phải có nghĩa vụ trả cho chị T nợ lãi đối với số tiền gốc 20.000.000đ; tiền nợ mua Ipad 2.500.000đ và lãi chậm trả của Ipad. Tổng cộng: 2.004.000đ + 2.500.000đ + 62.250đ = **4.566.250đ** ***(Bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng)***.

* Về án phí: chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440; Điều 463; khoản 2 Điều 357; và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T đối với bị đơn chị Phan Thị Thanh V. Buộc chị V có nghĩa vụ trả nợ cho chị T tiền lãi đối với số nợ gốc 20.000.000đ; Tiền nợ mua Ipad và lãi suất đối với nợ mua Ipad tổng cộng là **4.566.250đ** ***(Bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng)***.

Về án phí: chị Phạm Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị T **675.000đ** ***(Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*** tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2015/0007439 ngày 27/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Chị Phan Thị Thanh V phải chịu **300.000đ** ***(Ba trăm nghìn đồng)*** án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn

phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. Tuy An (2)
- THADS h. Tuy An (1)
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương